

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO – SÔNG CÔN

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần thủy điện Geruco – Sông Côn
- Tên tiếng Anh: Geruco – Sông Côn Hydro Power Joint Stock Company
- Tên viết tắt: GSC
- Mã chứng khoán : GSC
- Biểu tượng:
- Vốn điều lệ: 600.000.000.000 tỷ VND (Sáu trăm tỷ đồng chẵn./.)
- Tổng số cổ phần: 60.000.000
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông 60.000.000
- Trụ sở chính: Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam
- Văn phòng giao dịch: lô 253 khu dân cư Vạn Tường, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: (+84 511) 3735214
- Fax: (+84 511) 3735215
- Website: <http://www.gscpower.com.vn>
- e-mail: gscpower@gscpower.com.vn
- Giấy CNĐKKD: số 3303070093 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam cho đăng ký lần đầu ngày 22/12/2004, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 05/12/2008.
- Năm báo cáo: 2010

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Sông Côn (nay là Công ty Cổ phần thủy điện Geruco – Sông Côn) gọi tắt là GSC được thành lập vào ngày 22/12/2004 với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng bao gồm các cổ đông: Tổng Công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam), Công ty Cao su Phước Hoà (nay là Công ty cổ phần cao su Phước Hòa, Công ty Cao su Phú Riêng (nay là Công ty TNHH MTV cao su Phú Riêng), Tổng Công ty xây dựng Miền Trung và một số thể nhân thuộc các Công ty tham gia cổ phần. Trong đó Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam là cổ đông giữ lượng cổ phần chi phối.

Xác định được tầm quan trọng về năng lượng trong nền kinh tế, xu hướng phát triển tất yếu và chiến lược của ngành năng lượng quốc gia, GSC được lựa chọn là một

trong những đơn vị thành viên của tập đoàn tham gia triển khai các dự án đầu tư ngoài ngành trong đó tập trung chủ yếu vào việc đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

Trong quá trình triển khai dự án thủy điện Sông Côn 2, theo Điều lệ Công ty, do không có điều kiện góp vốn triển khai dự án, tháng 12/2005, Tổng Công ty xây dựng Miền Trung xin rút tên, cho đến nay chỉ còn 03 đơn vị thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là cổ đông sáng lập chiếm giữ 71,2% cổ phần, số còn lại 28,8% do các tổ chức, thể nhân khác đóng góp.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý điều hành và xây dựng thương hiệu, HDQT tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam đã quyết định tiếp nhận Công ty Cổ phần Sông Côn là đơn vị thành viên và đổi tên thành Công ty Cổ phần thủy điện Geruco – Sông Côn (GSC).

2. Quá trình hoạt động

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Công ty cổ phần thủy điện Geruco Sông Côn với mã số doanh nghiệp 4000407699 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2008, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

- + Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất và kinh doanh điện năng;
- + Tư vấn đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- + Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công các công trình xây dựng cấp thoát nước;
- + Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu;
- + Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản;
- + Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- + Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- + Thoát nước và xử lý nước thải;
- + Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (bao gồm rác thải không độc hại, độc hại);
- + Tái chế phế liệu;
- + Trồng và chăm sóc rừng;
- + Khai thác gỗ và lâm sản khác (chỉ khai thác khi được cấp phép);
- + Khai thác quặng kim loại, đất, đá, cát, sỏi, đất sét và các loại khoáng sản khác (trừ khoáng sản cấm). Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 số 02.08 ngày 15/3/2008 của Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn vốn Điều lệ Công ty là 600 tỷ đồng, cơ cấu vốn của các cổ đông như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần (CP)	Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn CN Cao su VN	24.480.000	244,8	40,8
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	9.120.000	91,2 tỷ	15,2
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	9.120.000	91,2 tỷ	15,2
Các cổ đông khác	17.280.000	172.800	28,8
Cộng	600.000.000	600,0	100

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 12 năm 2008 Vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 đồng tương ứng 60.000.000 cổ phần. Đến thời điểm ngày 31/12/2010 các Cổ đông góp 334,415 tỷ vốn Điều lệ tương ứng 33.441.500 cổ phần.

2.2. Tình hình hoạt động:

Trải qua gần 5 năm xây dựng và phát triển ngày 02/09/2009 Công ty GSC đã xây dựng thành công và đưa vào vận hành hòa lưới điện Quốc gia Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 với công suất lắp máy là 63MW. Công trình thủy điện Sông Côn 2 được xây dựng theo hình thức B.O.O và thực hiện theo hình thức tổng thầu EPC (Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và xây dựng công trình chính). Với những kết quả đạt được về tiến độ và chất lượng Công trình Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 đã được Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương gắn biển “ Công trình chào mừng Đại hội Đảng các cấp và chào mừng 1000 năm Thăng Long – Hà Nội”

Hiện tại, GSC đã hoàn thành xây dựng và phát điện công trình thủy điện Sông Côn 2 (63MW) tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, ngoài ra Cty đang triển khai xây dựng công trình thủy điện Sông Nam – Sông Bắc (50,2MW), lập báo cáo đầu tư dự án thủy điện Sông Hương – Luông Đông tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, GSC đang nghiên cứu lập báo cáo đầu tư dự án thủy điện tích năng Đà Nẵng, công suất 1.000 MW đến 1200MW, dự án đang được các bộ, cơ quan ban ngành xem xét đưa vào quy hoạch phát triển điện quốc gia trong năm 2011.

Mọi hoạt động của công ty trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đều thực hiện trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm túc các qui định của Nhà nước - Điều lệ Công ty và các qui chế quản lý đơn vị. Việc hoàn thiện qui chế quản lý nội bộ đã được Công ty quan tâm thường xuyên, hiện tại, ngoài các Qui chế cơ bản phục vụ cho quản lý hoạt động như Qui chế quản lý nội bộ, Qui chế quản lý tài chính, Qui chế tuyển dụng, Công ty đã xây dựng và ban hành thêm các qui chế như: Qui chế phối hợp hoạt động, Qui chế

ANTT-ATLĐ, Nội qui Công ty, Qui chế đi công tác nước ngoài, Qui chế quản lý tài sản trang thiết bị Công ty, Qui chế đi công tác công trường...

II. TRIỂN VỌNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Tiềm năng phát triển

Công ty Cổ phần thủy điện Geruco – Sông Côn có những điều kiện thuận lợi căn bản, bảo đảm cho sự tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững, các điều kiện đó là:

- Sự tăng trưởng mạnh mẽ về qui mô, ngành nghề và giá trị lợi nhuận của Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam trong những năm qua.
- Vị thế và uy tín của Tập đoàn được nâng cao trên thị trường trong và ngoài nước.
- Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty GSC là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện và năng lượng, đây là lĩnh vực đầu tư phù hợp với năng lực tài chính của Tập đoàn, phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay.
- Địa bàn hoạt động của GSC tại khu vực Miền trung, Tây nguyên, là nơi có nhiều tiềm năng về thủy điện và du lịch.
- Có đội ngũ CBCNV đoàn kết, có trình độ và kinh nghiệm triển khai, quản lý dự án.

2. Các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm

- Vận hành an toàn và hiệu quả Nhà máy thủy điện Sông Côn 2, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao;
- Triển khai công tác đầu tư: Dự án Thủy điện Sông Côn 2 mở rộng (5MW), Dự án Thủy điện Sông Nam- Sông Bắc (50,2MW), dự án thủy điện Sông Hương - Luông Đông (5,2MW);
- Xúc tiến việc đưa dự án thủy điện tích năng vào qui hoạch và tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị đầu tư.
- Hoàn thiện công tác quyết toán Công trình thủy điện Sông Côn 2;
- Nghiên cứu và phát triển các hạ tầng đô thị...
- Hoàn thiện HTQLCL phù hợp với nhiệm vụ triển khai xây dựng và phát triển các dự án.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao. Xây dựng tập thể công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có tác phong sản xuất công nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Bảo đảm phát triển ổn định và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV;
- Xây dựng và triển khai tốt các phương án phòng chống trong mùa mưa bão tại Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 và các khu vực Dự án đang triển khai;
- Phối hợp với chính quyền và cơ quan chức năng đảm bảo an ninh trật tự tại Nhà máy và các dự án đang triển khai.

3. Định hướng và chiến lược phát triển

Với những tiềm năng sẵn có và những điều kiện thuận lợi của các dự án đang triển khai, chiến lược dài hạn của GSC trong thời gian đến như sau:

► Tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực năng lượng, khai thác hiệu quả các nhà máy thủy điện đã hoàn thành.

► Phát huy tiềm năng sẵn có của các dự án thủy điện để phát triển các dự án du lịch, hạ tầng đô thị.

► Mở rộng hợp tác đầu tư với các đơn vị, doanh nghiệp có điều kiện tốt về vốn, kinh nghiệm, dự án... để khai thác và phát huy tiềm năng sẵn có của công ty cũng như tận dụng những ưu thế của các đơn vị bạn với phương châm: "Hợp tác và chia sẻ để phát triển bền vững".

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Kết quả hoạt động trong năm:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Ghi chú
I	Chỉ tiêu khối lượng			
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu.kW/h	252,35	
2	Sản lượng CDM	Tấn Co2	0	
II	Kết quả kinh doanh			
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	167.081,07	
1.1	Sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	163.841,86	
1.2	Hoạt động tài chính	Triệu đồng	3.239,21	
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.120,73	
2.1	Sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	(118,48)	
2.2	Hoạt động tài chính	Triệu đồng	3.239,21	

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2010

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
I	Chỉ tiêu khối lượng				
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kW/h	279,18	252,35	90,38
2	Sản lượng CDM	Tấn Co2	112,771	0	0
II	Kết quả kinh doanh				
1	Doanh thu thuần	Tr. Đg	207.717,47	167.081,07	80,43
1.1	Sản xuất kinh doanh	Tr. Đg	196.167,47	163.841,86	83,52
1.2	Hoạt động tài chính	Tr. Đg	11.550,00	3.239,21	28,04

2	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	Tr. Đg	47.421,64	3.120,73	6,6
2.1	Sản xuất kinh doanh	Tr. Đg	35.871,64	(118,48)	0
2.2	Hoạt động tài chính	Tr. Đg	11.550,00	3.239,21	28,04

3. Đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch:

Năm 2010 được xem là một năm đầy khó khăn của các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực thủy điện, những biến động lớn về kinh tế vĩ mô và tình hình thời tiết diễn biến phức tạp đã đẩy các doanh nghiệp vào tình thế hết sức khó khăn. Mặc dù HDQT, ban điều hành đã có nhiều cố gắng thông qua việc thực hiện các giải pháp sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tối ưu hóa vận hành nhà máy, công trình nhưng kết quả sản xuất kinh doanh vẫn không đạt như yêu cầu đặt ra, lợi nhuận theo kế hoạch bị sút giảm nghiêm trọng.

Để hiểu rõ các nguyên nhân dẫn đến tình hình kinh doanh không đạt được nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2010 đặt ra, HĐQT Công ty phân tích các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Tình hình thời tiết khô hạn trên diện rộng và kéo dài dẫn đến việc mực nước hồ thiếu hụt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sản lượng điện năm 2010.

Theo đánh giá chung của các chuyên gia, năm 2010 tình hình thời tiết vô cùng bất lợi, tình trạng khô hạn kéo dài trên diện rộng trong phạm vi cả nước, lượng nước về trong năm 2010 hạn chế, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Trước tình hình đó, HĐQT đã thống nhất các phương án cải tiến kỹ thuật nhằm phát huy hiệu quả vận hành nhà máy như giải pháp lắp đặt van lật đập C1, giải pháp ống nhánh bổ sung lượng nước từ Hồ bậc 1...

Thông qua những giải pháp trên, Công ty đã hạn chế đáng kể những kho khăn trong sản xuất, góp phần cải thiện tình hình so với thực tế.

- Tình hình kinh tế vĩ mô không ổn định, dẫn đến biến động tỷ giá giữa tiền đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, làm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty (khoảng 44 tỷ VND) so với kế hoạch

Năm 2010, tình hình biến động tỷ giá giữa VNĐ và USD đã tác động nghiêm trọng đến kết quả SXKD của Công ty. Trong năm, tại những thời điểm trả nợ, tỷ giá liên ngân hàng điều chỉnh tăng liên tục, từ tỷ giá bình quân liên ngân hàng đầu năm là 17.941 VNĐ/1 USD, đến cuối năm 2010, tỷ giá tăng lên 18.932 VNĐ/1 USD, tổng thiệt hại do trượt giá tính cả năm 2010 là 44,321 tỷ VNĐ. Đây là một con số khá lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh cả năm 2010 của Công ty và là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch do Đại hội cổ đông giao cho HĐQT và Ban điều hành.

- Các thủ tục bán chứng chỉ giảm phát thải (CERs) của dự án CDM nhà máy thủy điện Sông Côn 2 đang ở bước thẩm định cuối cùng của DOEs nên hợp đồng mua bán CERs giữa GSC và Tricorona A-B chưa thực hiện được

Dự án CDM nhà máy thủy điện Sông Côn 2, mặc dù đã có đơn vị mua chứng chỉ giảm phát thải (CERs) nhưng dự án CDM vẫn đang ở bước thẩm định cuối cùng của DOEs nên trong năm 2010 chưa có doanh số từ bán CERs của nhà máy. Trong năm 2011, đơn vị mua CERs sẽ thực hiện hợp đồng sau khi EB xác nhận quyền bán phát thải của dự án.

Trong trường hợp đơn vị mua không thực hiện hợp đồng, GSC sẽ làm thủ tục với đơn vị khác hồi tố khối lượng giảm phát thải từ khi nhà máy Sông Côn 2 phát điện đến nay theo đúng qui định.

4. Về định hướng hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành

Kịp thời chỉ đạo Ban điều hành Công ty xử lý linh hoạt, đúng pháp luật các vấn đề liên quan đến thủ tục, công tác chuẩn bị đầu tư công trình thủy điện Sông Nam – Sông Bắc.

Giải quyết tốt những đề nghị, yêu cầu cấp bách của Ban điều hành phù hợp với thực tế hiện trường để bảo đảm yêu cầu hiệu quả sản xuất, tiến độ đầu tư dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đầu tư theo mô hình quản lý chung của Tập đoàn, xây dựng đội ngũ CBCNV có năng lực quản lý đầu tư, góp phần tạo nguồn cán bộ phục vụ cho chiến lược đầu tư mở rộng của công ty trong thời gian đến.

5. Công tác giám sát chỉ đạo

HĐQT Công ty thường xuyên giám sát chặt chẽ, đôn đốc và định hướng cho Tổng Giám đốc thực hiện đúng nghị quyết và quyết định của HĐQT và HĐCĐ.

Đôn đốc, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc, ban điều hành thực hiện các giải pháp tối ưu vận hành nhà máy và phát huy những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giảm chi phí hoạt động nói chung, tăng hiệu quả hoạt động và cải thiện thu nhập của người lao động.

6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc

Trong năm 2010, nhìn chung Tổng Giám đốc đã triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Công tác quản lý cán bộ thực hiện tốt, đã xây dựng được đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực, trình độ chuyên môn và có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được phân công. Các nội qui, qui chế, qui trình đã được xây dựng hoàn chỉnh và phát huy hiệu quả.

7. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý

Nhìn chung, lực lượng cán bộ quản lý của Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Các vị trí điều hành đã phát huy hiệu quả trong quản lý, tạo điều kiện cho mỗi cán bộ công nhân viên phát huy sáng kiến. Tuy nhiên cần có nhiều cố gắng hơn nữa để nâng cao trình độ quản lý tổng thể trong Công ty.

8. Kế hoạch năm 2011 và định hướng phát triển trong tương lai

8.1. Một số nhiệm vụ cơ bản năm 2011

- Vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy thủy điện Sông Côn 2.
- Triển khai và hoàn thành các gói thầu đường thi công, điện thi công dự án thủy điện Sông Nam – Sông Bắc.
- Bàn giao mặt bằng cho nhà thầu xây dựng công trình Sông Nam – Sông Bắc phục vụ công tác khảo sát thiết kế kỹ thuật thi công.
- Hoàn thiện tổng quyết toán công trình thủy điện Sông Côn 2.
- Triển khai đấu thầu và thi công dự án Sông Côn 2 mở rộng
- Xúc tiến việc đưa dự án thủy điện tích năng Đà Nẵng vào qui hoạch điện VII.
- Làm việc với các đơn vị mua CERs dự án thủy điện Sông Côn 2 từ 2012 và xúc tiến việc thanh toán CDM đối với sản lượng đã thực hiện từ khi nhà máy Sông Côn 2 đi vào vận hành thương mại.
- Hoàn thiện tổ chức bộ máy và hệ thống quản lý chất lượng công ty phù hợp với yêu cầu triển khai các nhiệm vụ SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011.
- Cân đối nguồn vốn phù hợp, phục vụ công tác đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của các cổ đông.

8.2. Định hướng phát triển trong tương lai:

Với tiềm năng tài chính của GSC và những lợi thế về điều kiện tự nhiên của các dự án mà Công ty đang làm chủ sở hữu, HĐQT công ty xác định chiến lược phát triển trong thời gian tới là:

- ▶ Tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực năng lượng, khai thác hiệu quả các nhà máy thủy điện đã hoàn thành.
- ▶ Phát huy tiềm năng sẵn có của các dự án thủy điện để phát triển các dự án thủy điện tích năng, du lịch, hạ tầng đô thị...
- ▶ Mở rộng hợp tác đầu tư với các đơn vị, doanh nghiệp có điều kiện tốt về vốn, kinh nghiệm, dự án... để khai thác và phát huy tiềm năng sẵn có của công ty cũng như tận dụng những ưu thế của các đơn vị bạn với phương châm: "Hợp tác và chia sẻ để phát triển bền vững".

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính 2010

1.1. Kết quả SXKD: (Xem tại mục III.2)

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
I	Chỉ tiêu khối lượng				
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kW/h	279,18	252,35	90,38
2	Sản lượng CDM	Tấn Co2	112,771	0	0
II	Kết quả kinh doanh				
1	Doanh thu thuần	Tr. Đg	207.717,47	167.081,07	80,43
1.1	Sản xuất kinh doanh	Tr. Đg	196.167,47	163.841,86	83,52
1.2	Hoạt động tài chính	Tr. Đg	11.550,00	3.239,21	28,04
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đg	47.421,64	3.120,73	6,6
2.1	Sản xuất kinh doanh	Tr. Đg	35.871,64	(118,48)	0
2.2	Hoạt động tài chính	Tr. Đg	11.550,00	3.239,21	28,04

1.2. Các thông số tài chính

- Khả năng sinh lời:

- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: 1,34%
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu: 0,61%
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản: 0,2%
- + Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần: 1,9%

- Khả năng thanh toán:

- + Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành (lần): 2,14

Tỷ suất này cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tốt qua đó chứng tỏ tình hình tài chính công ty có tính thanh khoản cao.

- + Tỷ số khả năng thanh toán nhanh (lần): 2,13

- Tỷ suất này cho thấy khả năng thanh toán nhanh của công ty tốt và tình hình tài chính của công ty ổn định, sử dụng vốn hiệu quả.

- + Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền: 0,52

- Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Không

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm 2010:

Vốn chủ sở hữu: 360.826.967.171

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

- + Cổ phiếu thường: 33.441.500

- + Cổ phiếu ưu đãi: Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - + Cổ phiếu thường: 33.441.500
 - + Cổ phiếu ưu đãi: Không
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:
 - + Cổ tức năm 2010: 5%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Đánh giá tình hình

Thuận lợi:

- Công ty được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, các Phòng ban chức năng của Tập đoàn và Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty luôn quan tâm hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty hoạt động ổn định;
- Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT. Nội bộ Công ty có sự đoàn kết thống nhất cao;
- Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 chính thức đưa vào vận hành và phát điện thương mại vào ngày 2/9/2009. CBCNV Công ty, Nhà máy cùng các tổ chức đoàn thể đã có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Công tác tuyển chọn nhân sự và ký kết hợp đồng thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, giải quyết được việc làm và thu nhập cho người lao động. Công ty có đội ngũ CBCNV được trải nghiệm qua thực tế, có ý thức trách nhiệm cao và gắn bó với công việc.

Khó khăn:

- Năm 2010, với sự suy thoái chung của nền kinh tế thế giới và lạm phát gia tăng của kinh tế Việt Nam gây nên khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Công ty GSC nói riêng. Tỷ giá ngoại tệ trong năm tăng lên liên tục đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty;
- Tình hình thời tiết bất thường, hiện tượng nắng nóng và khô hạn trên toàn quốc nói chung và Quảng Nam nói riêng, các cơn mưa và những đợt lũ tiểu mãn định kỳ hàng năm không xảy ra làm các hồ chứa khô kiệt, gây ảnh hưởng tình hình phát điện của Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong giai đoạn bàn giao vận hành, một phần do các thiết bị mới, các vấn đề kỹ thuật chưa hoàn chỉnh, thêm vào đó công tác bàn giao công nghệ giữa Nhà thầu và Công ty gặp phải những trở ngại nhất định do vậy công tác vận hành Nhà máy gặp nhiều khó khăn;

- Đội ngũ CBCNV Nhà máy phần lớn là những cán bộ trẻ, trình độ kinh nghiệm quản lý vận hành nhà máy còn nhiều hạn chế, chủ yếu là vừa vận hành vừa học tập và trau dồi kinh nghiệm.

Với những cố gắng và nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã vượt lên khó khăn chung của nền kinh tế, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tối ưu và nâng cao hiệu quả, an toàn trong quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Sông Côn 2. Đời sống cán bộ công nhân viên Công ty từng bước được nâng cao. Điều này cũng thể hiện rõ nét sự gắn kết mật thiết giữa lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty. Đó cũng chính là động lực thúc đẩy cho một mục tiêu phát triển chung.

2.2. Phân tích, đánh giá những tác động khách quan đến kết quả SXKD

Năm 2010 được xem là một năm đầy khó khăn của các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực thủy điện, những biến động lớn về kinh tế vĩ mô và tình hình thời tiết diễn biến phức tạp đã đẩy các doanh nghiệp vào tình thế hết sức khó khăn.

Mặc dù HĐQT, ban điều hành đã có nhiều cố gắng thông qua việc thực hiện các giải pháp sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tối ưu hóa vận hành nhà máy, công trình nhưng kết quả sản xuất kinh doanh vẫn không đạt như yêu cầu đặt ra, lợi nhuận theo kế hoạch bị sụt giảm nghiêm trọng.

Để hiểu rõ các nguyên nhân dẫn đến tình hình kinh doanh không đạt được kỳ vọng như nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2010 đặt ra, Tổng Giám đốc Công ty phân tích các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Tình hình thời tiết khô hạn trên diện rộng và kéo dài dẫn đến việc mực nước hồ thiếu hụt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sản lượng điện năm 2010.

Theo đánh giá chung của các chuyên gia, năm 2010 tình hình thời tiết vô cùng bất lợi, tình trạng khô hạn kéo dài trên diện rộng trong phạm vi cả nước, lưu lượng nước bình quân ở thượng lưu và hạ lưu các con sông khu vực phía bắc và phía nam giảm từ 45% đến 70% so với bình quân nhiều năm, ở miền Trung và Tây nguyên, tình trạng cũng xảy ra tương tự. Đặc biệt đối với Nhà máy thủy điện Sông Côn 2, lưu lượng nước về hồ bậc 1 giảm 50% (khoảng 200 triệu m³) so với tính toán và không xuất hiện lũ lớn trong năm 2010 dẫn đến thiếu nước tại hồ bậc 1. Tính đến 31/12/2010, mực nước hồ bậc 1 chỉ đạt 322m, tức là hồ ở mực nước chết.

Với tình trạng hạn hán nghiêm trọng như đã nêu trên, khả năng tận dụng nguồn nước điều tiết từ hồ bậc 1 để sản xuất như kế hoạch đã đặt ra từ đầu năm là không thực hiện được, sản lượng điện đạt 252,35 triệu KWh bằng 90,3% so với kế hoạch; doanh thu thuần 167 tỷ VNĐ, bằng 80,3% so với kế hoạch

Ý thức được những khó khăn trên, ban điều hành công ty đã đề xuất với HĐQT những giải pháp kỹ thuật nhằm tận dụng tối đa lượng nước về và tăng cường

điều tiết từ hồ bậc 1 trong những tháng cuối năm nhằm nâng cao sản lượng trong tình trạng khô hạn. Các giải pháp kỹ thuật đó là:

+ Lắp đặt hệ thống van lật tại 4 khoang tràn tự do đập bậc 2 (Đập C1) nhằm nâng dung tích hữu ích của hồ bậc 2 lên khoảng 700 ngàn m³. Van lật ngoài tác dụng nâng dung tích hữu ích của hồ bậc 2 còn có nhiệm vụ tận dụng hết đuôi các con lũ nhỏ, duy trì dung tích hữu ích trong hồ chứa trong khoảng thời gian dài, bên cạnh đó, với chiều cao cột nước được nâng lên khoảng 1m, máy phát điện tại nhà máy bậc 2 phát huy tối đa công suất phát điện (vượt khoảng 10% so với thiết kế) nhưng vẫn bảo đảm các thông số kỹ thuật an toàn.

+ Lắp đặt ống nhánh tại đường ống áp lực nhà máy bậc 1 nhằm điều tiết bổ sung lưu lượng nước cho nhà máy bậc 2: Do công suất thiết kế nhà máy bậc 1 nhỏ (3 MW), lưu lượng xả tối đa của nhà máy bậc 1 không đáp ứng yêu cầu kéo dài thời gian phát điện nhà máy bậc 2 (63 MW) trong những tình huống nước trong hồ còn đủ để kéo dài thời gian phát điện lúc cao điểm, nâng cao sản lượng và giá trị kinh tế trong vận hành.

Với hai giải pháp trên, theo tính toán, sản lượng điện tăng thêm khoảng 50 triệu KWh trong năm 2010.

+ Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật trên, CBCNV công ty đã có những sáng kiến kỹ thuật khác như: lắp đặt lưới chắn rác từ xa, sáng kiến đảo chiều ống thông rác kết nước làm mát nhà máy bậc 2... đã góp phần nâng cao hiệu quả vận hành nhà máy trong năm 2010.

- Tình hình kinh tế vĩ mô không ổn định, dẫn đến trượt giá giữa tiền đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, làm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty (khoảng 44 tỷ VNĐ) so với kế hoạch

Năm 2010, tình hình biến động tỷ giá giữa VNĐ và USD đã tác động nghiêm trọng đến kết quả SXKD của Công ty. Trong năm, tại những thời điểm trả nợ, tỷ giá liên ngân hàng điều chỉnh liên tục, từ tỷ giá sổ sách (đã tính dự phòng trượt giá) là 17.941 VNĐ/1 USD, đến cuối năm 2010, tỷ giá thanh toán tăng lên 19.500 VNĐ/1 USD, tổng thiệt hại do trượt giá tính cả năm 2010 là 44,321 tỷ VNĐ. Đây là một con số khá lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh cả năm 2010 của Công ty và là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch do Đại hội cổ đông giao cho HĐQT và Ban điều hành.

Lợi nhuận trước thuế đạt 3,120 tỷ VNĐ, bằng 6,6% so với kế hoạch

- Các thủ tục bán chứng chỉ giảm phát thải (CERs) của dự án CDM nhà máy thủy điện Sông Côn 2 đang ở bước thẩm định cuối cùng của DOEs nên hợp đồng mua bán CERs giữa GSC và Tricorona A-B chưa thực hiện được

Dự án CDM nhà máy thủy điện Sông Côn 2, mặc dù đã có đơn vị mua chứng chỉ giảm phát thải (CERs) nhưng dự án CDM vẫn đang ở bước thẩm định cuối cùng của DOEs nên trong năm 2010 chưa có doanh số từ bán CERs của nhà máy. Trong năm 2011, dự kiến sẽ yêu cầu đơn vị mua CERs thực hiện hợp đồng sau khi EB xác nhận quyền bán phát thải của dự án.

Trong trường hợp đơn vị mua không thực hiện hợp đồng đối với lượng giảm phát thải đã thực hiện từ khi nhà máy phát điện thương phẩm, GSC sẽ làm thủ tục với đơn vị khác hồi tố khối lượng giảm phát thải theo qui định.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được năm 2010

Trong năm qua, mặc dù kết quả SXKD chưa đạt như mong muốn của các cổ đông nhưng HĐQT, Ban điều hành công ty đã có được kết quả đáng khích lệ trong việc xây dựng bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý vận hành nhà máy và điều hành dự án.

Bên cạnh việc phát động phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thông qua quá trình tổ chức sản xuất, vận hành nhà máy và xử lý những vấn đề kỹ thuật phát sinh, đội ngũ nhân viên vận hành nhà máy và cán bộ ban điều hành đã từng bước làm chủ công nghệ, tự thân đã thực hiện xử lý các sự cố nhỏ để bảo đảm vận hành liên tục, ổn định, bên cạnh đó, mỗi vị trí công tác, mỗi bộ phận trong nhà máy đã tự tin, đề xuất những giải pháp cải tiến kỹ thuật, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành như: làm lưới chắn rác từ xa tại cửa nhận nước, giải pháp đảo chiều hệ thống nước làm mát để xử lý kẹt rác, lắp đặt bộ gá ngâm thao tác đóng mở van công tác đập C1...

Những sáng kiến trên đã nâng cao hiệu suất phát điện, hạn chế tối đa thời gian dừng máy sửa chữa, nâng cao hệ số an toàn trong vận hành.

Vấn đề quan trọng hơn đó là đội ngũ CBCNV Cty, nhà máy đã nâng cao trình độ tay nghề và tiếp thu những kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn, góp phần tạo nguồn cán bộ phục vụ cho nhu cầu xây dựng và phát triển các dự án khác của Công ty.

4. Đầu tư xây dựng cơ bản

Stt	Nội dung công việc	Kết quả thực hiện
A	Dự án thủy điện Sông Côn 2 mở rộng	Đã triển khai lập báo cáo đầu tư, được HĐQT đồng ý về chủ trương và đang tiến hành lập các thủ tục phê duyệt Dự án đầu tư
B	Dự án thủy điện Sông Nam - Sông Bắc	
1	Công tác khởi công	Khởi công công trình trong tháng 6/2010

2	Gói thầu EPC: Tổng thầu xây dựng công trình thủy điện SNSB	Đang tiến hành công tác lựa chọn Nhà thầu
3	Gói thầu điện thi công có định hướng nâng cấp thành đường dây đầu nối	Đang triển khai thi công, khối lượng đạt 40% Hợp đồng
4	Gói thầu thi công từ cầu sập đến Nhà máy Nhà điều hành	Đang triển khai thi công
5	Công tác GPMB	Đã hoàn thành công tác kiểm kê, giải thửa. UBND TP Đà Nẵng đã có quyết định phê duyệt qui hoạch chi tiết sử dụng đất Dự án. Đang làm việc với Sở TNMT và huyện Hòa Vang hoàn thiện Hồ sơ thu hồi đất của các Tổ chức và cá nhân.
C	Dự án thủy điện tích năng Đà Nẵng	Đơn vị tư vấn Điện 1 (PECC1) đang lập báo cáo Bổ sung Dự án thủy điện tích năng Đà Nẵng trình Viện Năng lượng, Bộ Công thương, Chính Phủ xem xét vào Qui hoạch phát triển điện Quốc Gia (Qui hoạch điện 7)
D	Dự án thủy điện Sông Hương – Luông Đông	Đã trình hồ sơ Dự án đầu tư cho các Sở Ban ngành và thành phố Đà Nẵng, đang chờ phê duyệt dự án

5. Một số chỉ tiêu chính so với kế hoạch và so với thực hiện năm 2009

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện 2010	So sánh TH/KH (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.KW/h	147,77	279,18	252,35	90,34%
2	Tổng doanh thu	Tr.Đồng	107.790,51	207.717,47	167.138,34	80,46%
2.1	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh điện	Tr.Đồng	92.104,55	179.407,35	163.841,86	91,32%
2.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tr.Đồng	15.567,93	11.550,00	3.239,21	28,04%
2.3	Doanh thu CDM		0	13.652,12	0	
2.3	Doanh thu khác	Tr.Đồng	118,03	3.108,00	57,27	
3	Giá vốn hàng bán	Tr.Đồng	27.593,85	81.646,83	75.724,40	92,75%
4	Chi phí tài chính	Tr.Đồng	40.510,38	78.096,95	84.805,85	108,6%
4.1	Lãi vay	Tr.Đồng	12.870,51	37.250,67	38.951,12	104,56%
4.2	Chênh lệch tỷ giá	Tr.Đồng	27.639,87	40.846,28	45.854,73	112,26%

chi phí tài chính khác						
5	Chi phí QLDN	Tr.Đồng	999,89	552,04	3.432,36	
6	Chi phí CDM, chi phí khác	Tr.Đồng		2.747,82	55,00	
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.Đồng	38.568,62	47.421,64	3.120,73	6,58%
8	Thuế TNDN		2.724,39	2.887,5	922,23	31,94%
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.Đồng	35.844,23	44.534,14	2.198,49	4,94%

5. Kế hoạch năm 2011 và định hướng phát triển trong tương lai

5.1. Một số nhiệm vụ cơ bản năm 2011

- Triển khai và hoàn thành các gói thầu đường thi công, điện thi công dự án thủy điện Sông Nam – Sông Bắc.

- Ban giao mặt bằng cho nhà thầu xây dựng công trình Sông Nam – Sông Bắc phục vụ công tác khảo sát thiết kế kỹ thuật thi công.

- Hoàn thiện tổng quyết toán công trình thủy điện Sông Côn 2.

- Triển khai đấu thầu và thi công dự án Sông Côn 2 mở rộng

- Xúc tiến việc đưa dự án thủy điện tích năng Đà Nẵng vào qui hoạch điện VII.

- Làm việc với các đơn vị mua CERs dự án thủy điện Sông Côn 2 từ 2012 và xúc tiến việc thanh toán CDM đối với sản lượng đã thực hiện từ khi nhà máy Sông Côn 2 đi vào vận hành thương mại.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy và hệ thống quản lý chất lượng công ty phù hợp với yêu cầu triển khai các nhiệm vụ SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011.

- Cân đối nguồn vốn phù hợp, phục vụ công tác đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của các cổ đông.

- Vận hành an toàn và hiệu quả Nhà máy thủy điện Sông Côn 2, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao;

- Phát triển các Dự án khác.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao. Xây dựng tập thể công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có tác phong sản xuất công nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;

- Bảo đảm phát triển ổn định và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV;

- Xây dựng và triển khai tốt các phương án phòng chống trong mùa mưa bão tại Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 và các khu vực Dự án đang triển khai;

- Phối hợp với chính quyền và cơ quan chức năng đảm bảo an ninh trật tự tại Nhà máy và các dự án đang triển khai.

5.2. Một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2011

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch năm 2011	Tỷ lệ %
A	B	C	D	E	F=E/D	G	H=G/E
I	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG						
I.1	Sản lượng điện thông phẩm	Triệu Kwh	148	252,35	171%	268,08	106%
I.2	Sản lượng CDM (dự kiến)	Tấn CO2	-	0		126.518	
II	KẾT QUẢ KINH DOANH						
II.1	Doanh thu thuần	Tr đồng	107.672	167.138	155%	198.883	119%
II.1.1	Sản xuất kinh doanh	Tr đồng	92.105	163.842	178%	194.983	119%
a	Doanh thu sản xuất điện	Tr đồng	92.105	163.842	178%	175.948	107%
b	Doanh thu bán CDM	Tr đồng	0	0		19.035	
c	Doanh thu khác	Tr đồng				0	
II.1.2	Hoạt động tài chính	Tr đồng	15.568	3.239	21%	3.900	120%
a	-Lãi tiền gửi ngân hàng	Tr đồng	15.568	3.239	21%	3.900	120%
II.1.3	Thu nhập khác	Tr đồng		57			
	Trong đó						
II.2	Tổng chi phí	Tr đồng	69.104	164.018	237%	179.355	109%
II.2.1	Sản xuất kinh doanh	Tr đồng	28.593	79.157	277%	88.016	111%
II.2.1.1	Chi phí sản xuất kinh doanh điện	Tr đồng	28.593	79.157	277%	84.590	107%
a	- Chi phí nhân viên quản lý vận hành	Tr đồng	3.145	8.167	260%	10.543	129%
b	- Chi phí vật liệu	Tr đồng	123	401	326%	506	126%
c	- Chi phí dụng cụ sản xuất	Tr đồng	116	424	364%	574	135%
d	- Khấu hao tài sản cố định	Tr đồng	19.835	57.171	288%	57.247	100%
e	- Chi phí khắc phục sự cố do mưa bão	Tr đồng	42	755	1785%	730	97%
f	- Thuế, phí và lệ phí	Tr đồng	2.778	4.123	148%	6.659	162%
g	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tr đồng	812	2.167	267%	3.138	145%
h	- Chi phí khác bằng tiền	Tr đồng	742	2.517	339%	599	24%
i	- Chi phí quản lý công ty	Tr đồng	1.000	3.432	343%	4.594	134%
II.2.1.2	Chi phí CDM	Tr đồng	0			3.426	
II.2.1.3	Sản phẩm khác	Tr đồng	0				
II.2.2	Chi phí tài chính	Tr đồng	40.510	84.806	209%	91.339	108%
a	-Trả lãi vay cố định	Tr đồng	12.871	38.078	296%	37.391	98%
b	- Phí bảo lãnh+Phí Cam kết	Tr đồng	494	1.533	310%	1.441	94%
c	- Trả lãi vay vốn lưu động	Tr đồng		874		2.250	257%
d	- Chênh lệch tỷ giá	Tr đồng	27.146	44.321	163%	50.257	113%
II.2.3	Chi phí khác	Tr đồng	0	55			
II.3	Lợi nhuận trước thuế (II.3.1+ II.3.2+ II.3.3)	Tr đồng	38.569	3.120	8%	19.529	626%
II.3.1	Sản xuất kinh doanh	Tr đồng	23.001	-121	-1%	15.629	
a	- Sản xuất kinh doanh điện	Tr đồng	23.001	-121	-1%	20	
b	- CDM	Tr đồng		0		15.608	
c	- Điện thị công		0	0		0	
II.3.2	Hoạt động tài chính	Tr đồng	15.568	3.239	21%	3.900	120%
II.3.3	Hoạt động khác	Tr đồng	0	2			
II.4	Trích quỹ khoa học công nghệ	Tr đồng	0				
II.5	Thuế thu nhập Doanh Nghiệp	Tr đồng	2.724	922	34%	975	106%

II.6	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	35.844	2.198	6%	18.554	844%
II.7	Phân phối lợi nhuận	Tr đồng	36.246	18.018	50%	18.391	102%
a	- Trích quỹ dự phòng tài chính	Tr đồng	1.792		0%		
b	- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr đồng	1.792	1.299	72%	1.670	129%
c	- Trả cổ tức cho cổ đông	Tr đồng	0	16.719		16.721	100%
	Trong đó TDCNCSVN	Tr đồng	0	7.650		7.650	100%
d	- Lợi nhuận chia phân phối	Tr đồng	32.661	16.841	52%	17.004	101%
II.8	Chỉ tiêu tài chính						
a	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	36	1,87	5%	9,82	526%
b	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn đầu tư DA	%	4	0,31	8%	1,91	626%
c	Tỷ suất LN trước thuế/VCSH đầu tư DA	%	16	1,32	8%	8,27	626%
d	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn ĐL cuối kỳ b/c	%	12	0,93	8%	5,84	626%
II.9	Các chỉ tiêu khác						
II.9.1	Cân đối ngoại tệ						
	Giá trị xuất khẩu						
	Giá trị nhập khẩu						
II.9.2	Thuế GTGT phải nộp						
a	Thuế GTGT đầu vào	Tr đồng	944	2.152	228%	3.000	139%
b	Thuế GTGT đầu ra	Tr đồng	7.128	18.472	259%	17.595	95%
c	Thuế GTGT phải nộp	Tr đồng	6.184	16.320	264%	14.595	89%
d	Thuế GTGT đã nộp		4.145	12.969	313%		0%
II.9.3	Các khoản nộp ngân sách khác	Tr đồng	2.782	5.196	187%	6.663	128%
	Thuế tài nguyên	Tr đồng	2.778	5.192	187%	6.659	128%
	Thuế môn bài	Tr đồng	4	4	100%	4	100%
	Dịch vụ môi trường	Tr đồng				0	
II.9.4	Lao động và thu nhập	Tr đồng					
1	Lao động bình quân trong kỳ	Người	66	102			0%
	Lao động trực tiếp (Nhà máy SC2)	Người	34	60			0%
	Lao động quản lý	Người	32	42			0%
2	Thu nhập bình quân	Tr đồng	11				
	Lao động trực tiếp (Nhà máy SC2)	Tr đồng	9				
	Lao động quản lý	Tr đồng	12				
II.9.5	Tài sản và nguồn vốn (tính đến 31-12 năm báo cáo)						
1	Tổng tài sản	Tr đồng	1.069.659	1.107.034	103%	1.164.561	105%
1.1	Tài sản ngắn hạn (100 - BCDKT)	Tr đồng	114.577	109.044	95%	44.950	41%
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr đồng	9.759	26.678	273%	5.000	19%
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr đồng	60.379	0	0%		
	- Các khoản phải thu	Tr đồng	43.131	79.938	185%	38.200	48%
	- Hàng tồn kho	Tr đồng	636	696	109%	900	129%
	- Tài sản ngắn hạn khác	Tr đồng	671	1.733	258%	850	49%
1.2	Tài sản dài hạn (200 - BCDKT)	Tr đồng	955.082	997.990	104%	1.119.611	112%
	- Các khoản phải thu dài hạn	Tr đồng					
	- Tài sản cố định	Tr đồng	861.316	908.446	105%	890.357	98%
	- Chi phí XDCB dở dang	Tr đồng	49.100	57.210	117%	196.188	343%
	- Bất động sản đầu tư	Tr đồng					
	- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tr đồng	14.948	14.948	100%	21.962	147%
	Công ty cổ phần thủy điện VRG Ngọc Linh	Tr đồng	14.948	14.948	100%	21.962	147%
	- Tài sản dài hạn khác	Tr đồng	29.718	17.386	59%	11.104	64%
2	Nguồn vốn	Tr đồng	1.069.659	1.107.034	103%	1.164.561	105%
2.1	Nợ phải trả (300 BCDKT)	Tr đồng	691.491	746.207	108%	803.974	108%
	- Nợ ngắn hạn	Tr đồng	11.479	123.212	1073%	60.901	49%
	- Nợ dài hạn	Tr đồng	680.012	622.996	92%	743.073	119%
2.2	Vốn chủ sở hữu (a+b)	Tr đồng	378.167	360.827	95%	360.586	100%
a	- Vốn của chủ sở hữu(a1+a2+...+a4)	Tr đồng	375.015	359.195	96%	359.358	100%
a1	Vốn điều lệ	Tr đồng	334.415	334.415	100%	334.415	100%

a2	. Thặng dư vốn cổ phần	Tr đồng	6.147	6.147	100%	6.147	100%
a3	. Quỹ Dự phòng tài chính	Tr đồng	1.792	1.792	100%	1.792	100%
a4	. Lợi nhuận chia phần phối	Tr đồng	32.661	16.841	52%	17.004	101%
b	- Nguồn kinh phí và quỹ khác	Tr đồng	3.152	1.632	52%	1.228	75%
III	ĐẦU TƯ XDCB VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN						
A.	Tổng nhu cầu vốn (III.1 + III.2 + III.3 + III.4)	Tr đồng	252.970	182.909	72%	391.235	214%
III.1	Đầu tư XDCB (III.1.1 + III.1.2 + III.1.3 + III.1.4)	Tr đồng	217.122	83.581	38%	270.897	324%
III.1.1	Tổng xây lắp	Tr đồng	169.621	20.378	12%	183.216	899%
III.1.2	Tổng thiết bị	Tr đồng					
III.1.3	Tổng KTCB khác (Cộng cả KTCB # của các DA, BCĐT)	Tr đồng	24.891	21.485	86%	44.036	205%
III.1.4	Trả lãi vay+phí tài chính	Tr đồng	22.610	41.719	185%	43.645	105%
	Trong đó:.....	Tr đồng					
III.2	Thanh toán vốn thiếu năm trước	Tr đồng					
III.3	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	Tr đồng	32.848	99.328	302%	113.324	114%
	VDB Quảng Nam	Tr đồng		9.600		9.600	100%
	PNP Paribas			56.435		77.207	137%
	VRB Đà Nẵng			33.292		26.517	80%
III.4	Đầu tư tài chính dài hạn	Tr đồng	3.000	0	0%	7.014	
	Góp vốn vào Công ty CP thủy điện VRG Ngọc Linh		3.000	0	0%	7.014	
B	NGUỒN VỐN	Tr đồng	252.970	182.909	72%	391.235	214%
a	-Khấu hao TSCĐ	Tr đồng	19.835	57.969	292%	57.276	99%
b	- Vốn góp cổ đông	Tr đồng	54.384	51.554	95%	47.262	92%
	Trong đó vốn góp trong năm	Tr đồng	34.415	0	0%		
d	- Giá trị còn lại của tài sản chờ thanh lý	Tr đồng					
e	- Quỹ đầu tư phát triển	Tr đồng		0			
g	- Vốn vay	Tr đồng	178.751	19.751	11%	191.817	971%
h	- Vốn khác	Tr đồng		53.635		94.880	177%

5.3. Định hướng phát triển trong tương lai:

Công ty Cổ phần thủy điện Geruco – Sông Côn có địa bàn hoạt động khu vực Miền trung tây nguyên, là nơi có nhiều tiềm năng về thủy điện và du lịch, bên cạnh đó Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trong những năm qua có sự tăng trưởng bền vững, có định hướng phát triển đa ngành nghề và tăng tích lũy vốn đầu tư thông qua các khoản lợi nhuận lớn. Phát huy điều kiện thuận lợi như trên, Công ty Cổ phần thủy điện Geruco – Sông Côn đã hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 (63MW), đang triển khai các gói thầu phụ Nhà máy thủy điện Sông Nam – Sông Bắc (50,2 MW), hoàn thành phát triển dự án thủy điện Sông Hương – Luông Đông (5,2MW), tham gia góp vốn dự án thủy điện Dắc Rười (24MW)...

Bên cạnh đó, với vị trí đặc biệt thuận lợi, nằm gần trung tâm thành phố Đà Nẵng, dự án thủy điện Sông Nam – Sông Bắc cách quốc lộ 1A khoảng 10km, đây là vùng núi phía Tây Bắc thành phố có địa hình, cảnh quan đẹp và hấp dẫn, hiện nay

vốn đã là một địa điểm du lịch. Cùng với hạ tầng kỹ thuật của dự án thủy điện và sự xuất hiện tuyến đường Hồ Chí Minh (Cam Lộ - Nam Đông - Hòa Khương) đã được Bộ Giao thông vận tải qui hoạch đi qua khu vực dự án, nối liền đường 14B thuộc huyện Hòa Vang TP Đà Nẵng với đường ĐT601, huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên - Huế, đây là những điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án du lịch, hạ tầng đô thị, trồng rừng phòng hộ tạo cảnh quan...

Với những tiềm năng sẵn có và những điều kiện thuận lợi của các dự án đang triển khai như đã nêu trên, chiến lược dài hạn của GSC trong thời gian đến được HĐQT và Ban điều hành xác định là:

► Tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực năng lượng, khai thác hiệu quả các nhà máy thủy điện đã hoàn thành.

► Phát huy tiềm năng sẵn có của các dự án thủy điện để phát triển các dự án thủy điện tích năng, du lịch, hạ tầng đô thị...

► Mở rộng hợp tác đầu tư với các đơn vị, doanh nghiệp có điều kiện tốt về vốn, kinh nghiệm, dự án... để khai thác và phát huy tiềm năng sẵn có của công ty cũng như tận dụng những ưu thế của các đơn vị bạn với phương châm: "Hợp tác và chia sẻ để phát triển bền vững".

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo kiểm toán độc lập

- Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần thủy điện Geruco - Sông Côn đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về chế độ kế toán bởi Cty TNHH tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA).

- Nội dung báo cáo tài chính được đăng tải đầy đủ trên website của công ty theo địa chỉ: <http://www.gscpower.com.vn> (đính kèm báo cáo thường niên phục vụ đại hội)

- Các nhận xét đặc biệt: không

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: không

- Các nhận xét đặc biệt: không

V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Không

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ: Không

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Công ty cổ phần thủy điện VRG Ngọc Linh: Tỷ lệ vốn góp 22% Số tiền đã góp đến 31/12/2010 : 14.947.827.493 đồng tương đương 1.494.783 cổ phần.

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty VRG Ngọc Linh:

3.1. Tình hình hoạt động:

+ Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Đắc Gle, huyện Đắc Gle, tỉnh Kon Tum

+ Nhiệm vụ chính: Đầu tư xây dựng dự án thủy điện Đắc Ruồi (26MW), tổng mức đầu tư 745,74 tỷ VNĐ.

+ Đến cuối năm 2010, Dự án thủy điện Đắc Ruồi đang triển khai xây dựng công trình phụ trợ: đường và điện thi công.

3.2. Tình hình tài chính: Tình hình tài chính đến 31/12/2010:

- Tổng tài sản: 47,173 tỷ đồng

- Vốn chủ sở hữu: 43,159 tỷ đồng

- Kết quả kinh doanh 2010:

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 3,247 triệu VNĐ

+ Lợi nhuận trước thuế: 2.072 triệu VNĐ

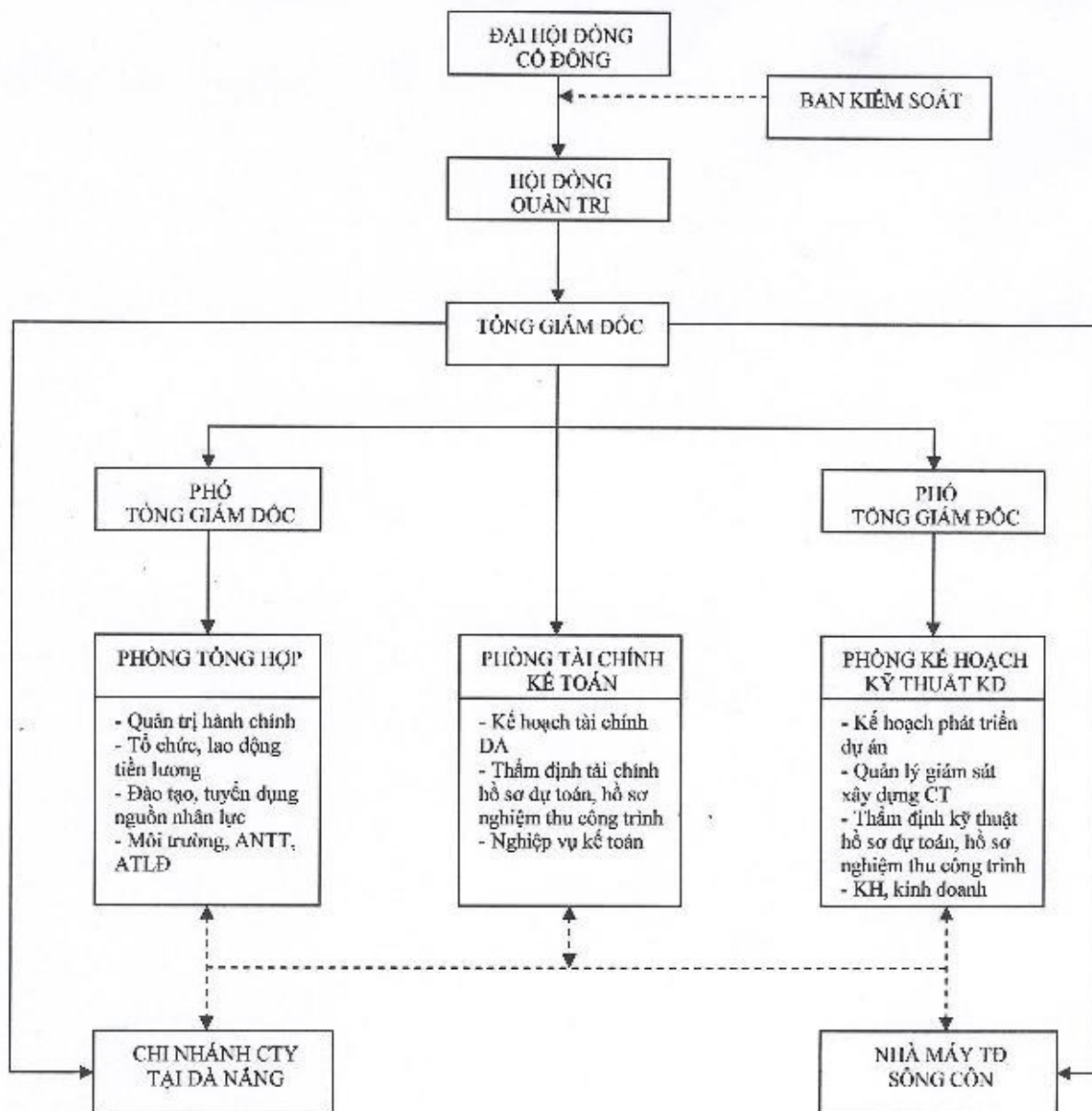
+ Lợi nhuận sau thuế: 1.634 triệu VNĐ

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức

Công ty được tổ chức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của luật doanh nghiệp.

Sơ đồ tổ chức công ty:



a. Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Thông qua đại hội, Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

b. Hội đồng quản trị: (HĐQT) Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

c. Ban kiểm soát: Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

d. Tổng Giám đốc: Là người đại diện pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

e. Phó Tổng Giám đốc: Là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, điều hành Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Công ty hiện có 01 Phó Tổng Giám đốc phân công phụ trách Phòng Tổng hợp; 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Kinh doanh. Tổng giám đốc điều hành trực tiếp Phòng Tài chính - Kế toán.

f. Các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc:

- Phòng Tổng hợp: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc công tác quản trị hành chính; tổ chức, bộ máy, nhân sự; Đào tạo và tuyển dụng cán bộ; lao động tiền lương; Môi trường, ANTT, ATLĐ.

- Phòng Tài chính – Kế toán: Tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác: Kế hoạch tài chính dự án; Thẩm định tài chính hồ sơ dự toán, hồ sơ nghiệm thu công trình; Nghiệp vụ kế toán.

- Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật – Kinh doanh: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong công tác: Kế hoạch và phát triển dự án; Quản lý kỹ thuật và đầu tư xây dựng công trình; Thẩm định hồ sơ kỹ thuật dự toán, hồ sơ nghiệm thu công trình, hồ sơ kỹ thuật nhà máy thủy điện Sông Côn; Công tác kế hoạch và kinh doanh.

- Nhà máy thủy điện Sông Côn: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc vận hành hiệu quả, an toàn nhà máy; Quản lý và duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, công trình, nhà máy; Thực hiện nhiệm vụ giao tiếp và nghĩa vụ chuyên môn đối với các cấp ngành trong hệ thống điện quốc gia và các nghĩa vụ với địa phương tại địa bàn hoạt động của nhà máy.

- Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng: Tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động của chi nhánh theo đúng qui định của pháp luật; Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư các công trình tại TP Đà Nẵng theo sự phân công.

2. Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Tổng giám đốc

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

* Bà Trần Thị Oanh – Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1962

Kỹ sư điện khí hóa

* Ông Đỗ Trung Hải – Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1972

CN kinh tế, CN ngoại ngữ

* Ông Trần Quang Hòa – Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1979

KS Thủy lợi thủy điện, CN kinh tế

3. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2010, Ban Tổng Giám đốc được hưởng đầy đủ các khoản tiền lương, thưởng, ăn giữa ca theo chế độ, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

4. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động

4.1. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của đơn vị : 102 người. Trong đó :

- Công tác tại :

+ Văn phòng Công ty : 37 người

+ Nhà máy Sông Côn : 65 người

- Hình thức hợp đồng lao động

+ Lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn: 98 người

+ Lao động đang trong giai đoạn thử việc : 01 người

+ Lao động thời vụ: 03 người

- Phân loại trình độ cán bộ như sau :

Số lao động (người)	Nữ lao động (người)	Trình độ văn hóa			Trình độ kỹ thuật				Lao động trực tiếp (người)	Lao động gián tiếp (người)	Độ tuổi		
		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Sơ, Trung cấp	Cao Đẳng	Đại học	Sau Đại học			<30	30-45	>45
102	17		3	99	27	3	51	0	60	42	57	42	3

4.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo qui định của pháp luật về lao động, đã ký kết thỏa ước lao động tập thể với người lao động thông qua tổ chức công đoàn và thực hiện nghiêm túc các chế độ đặc thù đối với người lao động trong ngành điện.

b. Chính sách đào tạo

Thường xuyên quan tâm đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của CBCNV thông qua các buổi hội thảo chuyên đề kỹ thuật, chuyên đề về quản lý đầu tư, tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng về quản lý vận hành, an toàn lao động cho CBCNV.

c. Chính sách tuyển dụng:

Với quan điểm mở trong tuyển dụng, tất cả các đối tượng được tuyển dụng vào Công ty phải thông qua sơ tuyển và các bước phỏng vấn trực tiếp. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện chính sách thu hút người lao động có tay nghề và tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm cao để bồi dưỡng trở thành lực lượng kế cận.

d. Thực hiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi khác cho người lao động:

Công ty đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động, đảm bảo tuân thủ theo quy định, đồng thời khuyến khích CBCNV phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ theo công việc được giao, có tình cảm gắn bó lâu dài với Công ty.

Bên cạnh việc nghiêm túc thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho Người lao động theo qui định của Nhà nước, Công ty đã ký hợp đồng bảo hiểm với Bảo Việt thực hiện bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV.

Hoàn thiện các quy chế, quy định cho phù hợp với tình hình SXKD của Công ty để ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn Công ty;

Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD, khám chữa bệnh nghề nghiệp cho lao động trực tiếp...;

Chú trọng đến việc thực hiện các biện pháp nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần, tạo động lực cho người lao động phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao và gắn bó lâu dài với Công ty.

5. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định thay đổi nhân sự HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

- Bầu ông Ngô Quang Minh làm Chủ tịch HĐQT thay ông Trần Ngọc Thuận
- Bầu bổ sung ông Phạm Văn Thành UVHĐQT làm Phó chủ tịch HĐQT
- Bầu bổ sung bà Trần Thị Oanh, Tổng Giám đốc công ty là UVHĐQT
- Bầu ông Đỗ Hữu Phước làm thành viên Ban kiểm soát thay thế ông Huỳnh Trung Trực

Trung Trực

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị công ty gồm có 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên độc lập không điều hành. Giúp việc cho HĐQT có thư ký HĐQT 01 người.

Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

1.1 Tóm tắt lý lịch các thành viên HĐQT

- * Ông Ngô Quang Minh – Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1954

Kỹ sư xây dựng

Phó Ban hợp tác đầu tư – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

* Ông Phạm Văn Thành - P.Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1962

Thạc Sĩ Kinh tế

Trưởng ban kế hoạch đầu tư Tập đoàn CN cao su Việt Nam

* Ông Lê Thanh Tú - Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1963

Cử nhân TCKT, Cao cấp lý luận chính trị

Tổng giám đốc Công ty THHH MTV Cao su Phú Riêng

* Ông Lê Phi Hùng - Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1960

P.Tổng giám đốc Công ty CP Cao su Phước Hòa

Kỹ sư Trồng trọt, Cao cấp lý luận chính trị

* Bà Trần Thị Oanh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1962

Kỹ sư điện khí hóa

1.2 Tóm tắt lý lịch các thành viên BKS

* Ông Trần Đức Thuận - Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 1961

Cử nhân TCKT

Phó Ban TCKT - Tập đoàn CN cao su Việt Nam

* Ông Dương Văn Khen - Thành viên

Sinh năm: 1960

Cử nhân TCKT

Kế toán trưởng Công ty cao su Phước Hòa

* Ông Đỗ Hữu Phước - Thành viên

Sinh năm: 1968

Kỹ sư Xây dựng

Chuyên viên Ban XDCB - Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam

1.3 Thành viên HĐQT, BKS đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

- Hội đồng quản trị: 5/5 thành viên

- Ban kiểm soát: 3/3 thành viên

- Ban điều hành: 3/3 thành viên

1.4 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm qua (giữa hai nhiệm kỳ đại hội cổ đông), HĐQT đã tiến hành họp thường kỳ 4 lần theo Qui chế.

1.4.1 Các cuộc họp HĐQT:

* Cuộc họp ngày 28/4/2010: Thông qua một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình thủy điện Sông Côn 2
- Triển khai công trình thủy điện Sông Côn 2 mở rộng
- Hoàn thiện thủ tục và khởi công công trình thủy điện Sông Nam – Sông Bắc.
- Tiếp tục nghiên cứu khảo sát lập báo cáo cơ hội đầu tư thủy điện tích năng, xúc tiến các thủ tục đưa vào qui hoạch hệ thống điện quốc gia.
- Xúc tiến việc phê duyệt dự án thủy điện Sông Hương – Luông Đông
- Rà soát hoàn chỉnh quy chế quản lý nội bộ công ty
- Thống nhất kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nếu không thuận lợi sẽ thực hiện niêm yết trong năm 2011.
- Thông qua kế hoạch vốn và nhu cầu vốn của Công ty năm 2010.

* Cuộc họp ngày 27/5/2010: Với các nội dung sau:

- Thống nhất nội dung phê duyệt KHSXKD 2010 của Cty.
- Thống nhất nội dung điều chỉnh thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư dự án Sông Nam – Sông Bắc.
- Thống nhất phê duyệt chủ trương xây dựng nhà điều hành, nhà ở tập thể cho CBCNV tại dự án thủy điện Sông Nam – Sông Bắc, giao Tổng Giám đốc thực hiện.
- Thống nhất phê duyệt đơn vị kiểm toán và dự toán kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư XD CB hoàn thành – Nhà máy TD Sông Côn 2
- Xem xét phê duyệt dự án đầu tư xây dựng thủy điện Sông Côn 2 mở rộng: HĐQT thống nhất chủ trương thực hiện; Giao Tổng Giám đốc làm việc với cơ quan chuyên ngành liên quan về dự án mở rộng để bảo đảm tính pháp lý và thủ tục triển khai dự án.

* Cuộc họp ngày 26/10/2010

- Thông qua báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2010 và giao Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung sau:

- + Đề xuất giải pháp tính toán trả nợ do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ
- + Không điều chỉnh kế hoạch, lợi nhuận chưa đạt do ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó có trượt giá

- + Đề xuất phương án thưởng cho những sáng tạo mang lại hiệu quả cho dự án
- Cho phép thu thập thông tin để nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện tích năng
- Thực hiện tiếp nội dung quy hoạch chi tiết cho dự án Sông Nam – Sông Bắc.
- Triển khai công tác đào tạo nhân viên vận hành nhà máy
- Thống nhất chọn mã chứng khoán của Công ty là “GSC”.

* Cuộc họp ngày 01/4/2011

- Báo cáo kết quả SXKD 2010
- Thông qua sơ bộ dự thảo KH SXKD 2011
- Thông qua dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát
- Dự kiến điều chỉnh nhân sự của HĐQT và Ban kiểm soát
- Chuẩn bị cho kỳ Đại hội cổ đông năm 2011.

1.4.2 Các quyết định của HĐQT

Stt	Ký hiệu Công văn	Nội dung công văn	Ngày, tháng	Ghi chú
1	03.11/QĐ-HĐQTGSC	Phê duyệt Đơn vị thực hiện Công tác tối ưu các giải pháp kỹ thuật công nghệ của dự án Thủy điện Sông Nam Sông Bắc	16-03-11	
2	02.11/QĐ-HĐQTGSC	Phê duyệt chi phí thực hiện Công tác cắm mốc ranh giới giải phóng mặt bằng thi công tuyến đường từ Cầu Sập đến Nhà điều hành.	14-02-11	
3	34.10/QĐ-HĐQTGSC	Cử cán bộ đi công tác tại Trung Quốc	27-12-10	
4	29.10/QĐ-HĐQTGSC	Về việc phê duyệt Dự toán thực hiện công tác lập Báo cáo bổ sung Quy hoạch Dự án Thủy điện tích năng Đà Nẵng vào Quy hoạch điện VII	19-11-10	
5	28.10/QĐ-HĐQTGSC	Về việc phê duyệt Chi phí và đơn vị thực hiện Hạng mục: thẩm định đo vẽ bản đồ địa chính tỉ lệ 1/2000 Dự án: Thủy điện Sông Nam - Sông Bắc, Tp Đà Nẵng		
6	26.10/NQ-HĐQTGSC	Nghị quyết HĐQT ngày 17/10/2010	26-10-10	
7	25.10/QĐ-HĐQTGSC	Về việc gia hạn thời gian nộp hồ sơ chào lại giá gói thầu EPC 01 và EPC 02, Dự án thủy điện Sông Nam – Sông Bắc	19-10-10	
8	23.10/QĐ-HĐQTGSC	Về việc phê duyệt chi phí phát sinh do gia hạn thời gian hỗ trợ kỹ thuật vận hành, sửa chữa của các chuyên gia Nhà thầu Gxed & G-Energy tại Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 – Tỉnh Quảng Nam	8/10/2010	
9	20.10/QĐ-HĐQTGSC	Về việc thuê đất để đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Sông Nam – Sông Bắc	15-09-10	

10	19.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc Phê duyệt chủ trương và đơn vị tư vấn lập Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện tích năng Đà Nẵng vào Quy hoạch điện VII	13-09-10	
11	18.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt đơn vị thực hiện và Dự toán lập phương án trồng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng Dự án nhà máy thủy điện Sông Côn 2	30-08-10	
12	17.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc xin phê duyệt đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng mục đường phục vụ thi công tuyến từ Cầu sập đến Nhà điều hành – Dự án thủy điện Sông Nam - Sông Bắc, Tp Đà Nẵng	19-08-10	
13	14.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu XL03 “ Đường thi công tuyến từ Cầu Sập đến Nhà điều hành” – Dự án thủy điện Sông Nam-Sông Bắc	4/8/2010	
14	13.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc cử cán bộ đi công tác tại Trung Quốc	30-07-10	
15	12.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu gói thầu và giá gói thầu EPC 01 & 02 Dự án Sông Nam Sông Bắc	19-07-10	
16	11.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt đơn vị, đề cương và dự toán tư vấn thẩm tra thuyết minh dự án Nâng công suất cho Nhà máy thủy điện Sông Côn 2	19-07-10	
17	10.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt đơn vị cung cấp, dự toán và danh mục thiết bị vật tư dự phòng và thay thế cho Nhà máy thủy điện Sông Côn 2	19-07-10	
18	09.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt kế hoạch lao động tiền lương Công ty cổ phần thủy điện Geruco Sông Côn 2 năm 2010	19-07-10	
19	08.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt kế hoạch SXKD và xây dựng cơ bản năm 2010 – Công ty cổ phần thủy điện Geruco Sông Côn	19-07-10	
20	07.10/QĐ- HDQTGSC	V/v vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng LD Việt Nga – CN Đà Nẵng	28-06-10	
21	05.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt đơn vị tư vấn và dự toán lập Hồ sơ mời thầu, Xét thầu, Thương thảo Hợp đồng Hạng mục: Đường phục vụ thi công tuyến từ cầu sập đến Nhà điều hành Dự án: Thủy điện Sông Nam - Sông Bắc, Tp Đà Nẵng	18-06-10	
22	04.10/QĐ- HDQTGSC	Về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế kỹ thuật – Bản vẽ thi công và Dự toán Hạng mục: Đường phục vụ thi công tuyến từ cầu sập đến Nhà điều hành Dự án: Thủy điện Sông Nam - Sông Bắc, Tp Đà Nẵng	17-06-10	

23	03b.10/QĐ-HDQTGSC	Về việc phê duyệt bổ sung gói thầu lập quy hoạch chi tiết sử dụng đất tỷ lệ 1/500 của Dự án thủy điện Sông Nam – Sông Bắc, Tp. Đà Nẵng	16-06-10	
24	03.10/QĐ-HDQTGSC	Về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu bổ sung thuộc dự án Nhà máy thủy điện Sông Côn 2	11/6/2010	
25	01.10/QĐ-HDQTGSC	Về việc phê duyệt kế hoạch và thời gian, địa điểm, kinh phí tổ chức Lễ khởi công Cụm Dự án thủy điện Sông Nam – Sông Bắc tại huyện Hòa Vang – thành phố Đà Nẵng	2/6/2010	

1.5 Hoạt động của ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thường xuyên bám sát nhiệm vụ do Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 thông qua, để giám sát việc điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc được gửi tới Ban kiểm soát.

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết HĐQT đối với Ban điều hành;

- Trong các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát có cử thành viên tham dự để nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát thực hiện việc báo cáo giám sát theo qui định.

1.6. Thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS

Thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS phụ thuộc vào kết quả SXKD của công ty và được xác định theo nguyên tắc: Lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch tăng thì tiền lương và thu nhập được điều chỉnh tăng tương ứng và ngược lại, lợi nhuận thực hiện giảm thì tiền lương và thu nhập cũng được điều chỉnh giảm.

Cụ thể thù lao HĐQT, BKS Công ty trong năm 2010 như sau:

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Thù lao
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				350.088.000
1	Trần Ngọc Thuận	Chủ tịch HĐQT	4	27.936.000
2	Ngô Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	8	55.872.000
3	Phạm Văn Thành	P. Chủ tịch HĐQT	12	57.060.000
4	Lê Phi Hùng	UV HĐQT	12	57.060.000
5	Lê Thanh Tú	UV HĐQT	12	57.060.000
6	Trần Thị Oanh	UV HĐQT	8	38.040.000
7	Trương Minh Trung	Thư ký	4	19.020.000
8	Nguyễn Kim Lê Chuyên	Thư ký	8	38.040.000
BAN KIỂM SOÁT				116.484.000

1	Trần Đức Thuận	Trưởng ban	12	57.060.000
2	Dương Văn Khen	UV BKS	12	29.712.000
3	Huỳnh Trung Trực	UV BKS	4	9.904.000
4	Đỗ Hữu Phước	UV BKS	8	19.808.000
Tổng cộng (I+II)				466.572.000

1.7. Thông tin về dao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành.

- Ngày 06/10/2010 Ông Lê Phi Hùng UVHĐQT nhận chuyển nhượng 10.000 CP của ông Nguyễn Văn Ngọc.

- Ngày 24/11/2010 Ông Dương Văn Khen UV BKS nhận chuyển nhượng 10.000CP của ông Phan Hải Long.

- Ngày 24/11/2010 Bà Trần Thị Oanh TGD chuyển nhượng 80.000CP cho bà Trịnh Hoài Thu.

- Ngày 24/11/2010 ông Đỗ Trung Hải P. TGD chuyển nhượng 62.000CP cho ông Trần Xuân Duy.

- Ngày 29/11/2010 ông Trần Quang Hòa P.TGD chuyển nhượng 30.000CP cho ông Phạm Ngọc Tuấn

- Ngày 29/11/2010 ông Trần Quang Hòa P.TGD chuyển nhượng 60.000CP cho bà Lê Thị Kim Anh.

- Ngày 17/08/2010 Ông Phan Công Huê KTT chuyển nhượng 60.000 cổ phần cho Ông Đỗ Như Loan 30.000 Cp và bà Hồ Thị Vân Hạnh 30.000CP.

- Ngày 29/11/2010 ông Phan Công Huê KTT chuyển nhượng 20.000 CP cho bà Phan Thị Hương Lài

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần thủy điện Geruco Sông Côn theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2010 như sau:

2.1 Cổ đông góp vốn Nhà nước: Không

2.2 Cổ đông sáng lập:

Có 3 cổ đông sáng lập nắm giữ 26.700.000 CP tương ứng với 79,83% vốn Điều lệ thực góp cụ thể như sau:

- Công ty TNHH MTV Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: địa chỉ 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP Hồ Chí Minh 15.300.000 CP tương ứng 45,75% VDL trong đó các đại diện:

+ Ông Ngô Quang Minh :

Số cổ phần nắm giữ: 7.836.507CP tương ứng 23,43% VDL

Địa chỉ : 48 Kỳ Đồng, quận Thanh Khê – TP Đà Nẵng

Chức vụ hiện tại Chủ tịch HĐQT

+ Ông Phạm Văn Thành :

Số cổ phần nắm giữ: 5.597.505CP tương ứng 16,74% VDL

Địa chỉ : 429/16 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện tại Phó Chủ tịch HĐQT

+ Ông Đỗ Hữu Phước :

Số cổ phần nắm giữ: 1.865.988CP tương ứng 5,58% VDL

Địa chỉ : 67/53A, đường Hoàng Hoa Thám , phường 6, quận Bình Thạnh TP Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện tại BKS

- *Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa: địa chỉ Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương 5.700.000CP tương ứng 17,04% VDL trong đó các đại diện:*

+ Ông Lê Phi Hùng

Số cổ phần nắm giữ: 5.700.000CP tương ứng 17,04% VDL

Địa chỉ : ấp Cỏ Xanh, xã Tân bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Chức vụ hiện tại UV HĐQT

- *Công Ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng: địa chỉ Xã Phú Riêng, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước 5.700.000CP tương ứng 17,04% VDL trong đó các đại diện:*

+ Ông Lê Thanh Tú:

Số cổ phần nắm giữ: 5.700.000CP tương ứng 17,04% VDL

Địa chỉ : A1/18 D2 Chu Văn An, P26; quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện tại UV HĐQT.

2.3 Cổ đông trong nước

- *Tổng số cổ đông trong nước 235 cổ đông nắm giữ 33.441.500CP Chiếm 100 % VDL, trong đó:*

+ Cá nhân : 231 Cổ đông nắm giữ CP Chiếm 18,22% VDL;

+ Tổ chức: 04 cổ đông nắm giữ 27.347.000 CP Chiếm 81,78 % VDL;

- *Cổ đông lớn: có 03 cổ đông lớn nắm giữ 26.700.000 CP tương ứng với 79,83% vốn điều lệ thực góp cụ thể như sau;*

+ Công ty TNHH MTV Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Địa chỉ 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP Hồ Chí Minh

Số cổ phần nắm giữ 15.300.000 CP tương ứng 45,75% VDL

+ Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa

Địa chỉ: Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Số cổ phần nắm giữ 5.700.000CP tương ứng 17,04% VDL;

+ Công Ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng:

Địa chỉ Xã Phú Riềng, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước;

Số cổ phần nắm giữ 5.700.000CP tương ứng 17,04% VDL;

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2010 của Công ty Cổ phần thủy điện Geruco – Sông Côn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Quang Minh
Ngô Quang Minh